

PHỤ LỤC
Cấp gạo dự trữ quốc gia cấp cho Nhân dân trong dịp giáp hạt năm 2026
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên đơn vị	Gạo dự trữ quốc gia cấp trong dịp giáp hạt đầu năm 2026				
		Số hộ (hộ)	Số khẩu (người)	Số tháng	Mức hỗ trợ/khẩu/tháng (kg)	Tổng số gạo đề nghị (kg)
A	B	9	10	11	12	13
1	Xã Bình Phú	50	183	2	15	5.490
2	Xã Tuy Phước Tây	60	193	2	15	5.790
3	Xã Vĩnh Sơn	190	633	3	15	28.485
4	Nhơn Châu	144	554	3	15	24.930
5	Xã Ia Lâu	85	350	1	15	5.250
6	Xã Hra	121	438	1	15	6.570
7	Xã Đăk Song	187	850	1	15	12.750
8	Ia Boong	114	530	1	15	7.950
9	Chư Păh	66	232	1	15	3.480

10	Xã Ayun	92	344	1	15	5.160
11	Xã Ia Băng	56	256	1	15	3.840
12	P. An Bình	36	128	1	15	1.920
13	Xã Đak Pơ	127	488	1	15	7.320
14	Xã Kon Gang	23	98	1	15	1.470
15	Xã Krong	121	484	3	15	21.780
16	Xã Mang Yang	113	402	1	15	6.030
17	Xã Chư Krey	90	451	1	15	6.765
18	Xã Ia O	80	312	1	15	4.680
19	Xã Đak Somei	83	500	3	15	22.500
20	Xã Ia Hrungr	92	331	1	15	4.965
21	Xã Ia Tôr	21	81	1	15	1.215
22	Xã Ia Ly	160	564	1	15	8.460
23	Xã Ia Pa	86	416	1	15	6.240
24	Xã Ya Ma	135	672	1	15	10.080
25	Xã Ya Hôi	85	322	3	15	14.490
26	Xã Ia Dreh	197	882	1	15	13.230

27	Xã Chư Sê	206	784	1	15	11.760
28	Xã Chư Prông	223	917	1	15	13.755
29	Xã Ia Pia	163	758	1	15	11.370
30	Xã Biền Hồ	428	1.725	1	15	25.875
31	Xã Chư Puh	115	575	3	15	25.875
32	Xã Pờ Tó	157	614	3	15	27.630
33	Xã Ia Rsai	143	663	1	15	9.945
34	Xã Ia Khuol	251	1.133	1	15	16.995
35	Xã Kbang	94	330	1	15	4.950
36	Xã Sơn Lang	72	261	1	15	3.915
37	Xã Ia Grai	42	154	1	15	2.310
38	Xã Ia Krái	144	534	1	15	8.010
39	Xã Ia Phí	262	980	1	15	14.700
40	Xã Ia Le	100	432	1	15	6.480
41	Xã Tơ Tung	142	516	1	15	7.740
42	Xã Gào	147	563	3	15	25.335
43	Xã Ia Hiao	312	1.308	3	15	58.860

44	Xã Ia Puch	46	202	1	15	3.030
45	Xã Lor Pang	237	906	1	15	13.590
46	Xã Ia Ko	318	1.368	2	15	41.040
47	Xã Phú Thiện	158	677	1	15	10.155
48	Xã Bờ Ngoong	149	620	1	15	9.300
49	Xã Uar	121	515	1	15	7.725
50	Xã Phú Túc	185	778	1	15	11.670
51	Xã Al Bá	74	342	1	15	5.130
52	Kông Bờ La	172	457	3	15	20.565
53	Xã Kong Chro	231	1.113	1	15	16.695
54	Xã Ia Krêl	109	479	1	15	7.185
55	Xã Ia Hrú	133	692	1	15	10.380
56	Xã Ia Chía	170	817	1	15	12.255
57	Xã Ia Pnôn	36	147	1	15	2.205
58	Xã Ia Dơk	67	353	1	15	5.295
59	Xã Kon Chiêng	61	259	1	15	3.885

60	Xã Ia Mơ	52	196	1	15	2.940
61	Xã Chơ Long	228	1.195	3	15	53.775
62	Xã Sró	55	323	1	15	4.845
TỔNG CỘNG		8.217	34.380			758.010

